

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04/8/2020
V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm

Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 08 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX ST- HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú quán: xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú quán: xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24/02/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn ngày 09/03/2009, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới chị M về nhà anh C làm dâu ngay. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh C thường xuyên ăn chơi và có quan hệ bất chính và đã có con với người khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Nguyễn Văn C không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được, vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 06/9/2007; Nguyễn Đức Hưng, sinh ngày 26/12/2011; Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 14/02/2013, hiện nay con chung đang sống cùng vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn, tại đơn khởi kiện chị xin được nuôi dưỡng ba con chung. Tuy nhiên, tại phiên toà chị xin nuôi hai con chung là cháu Uyên, cháu Hưng và giao cháu Nhung cho anh C nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn C có lời khai: Anh và chị M cưới nhau năm 2006, tuy nhiên tại thời điểm đó chị M chưa đủ tuổi để tiến hành đăng ký kết hôn nên mãi đến 09/3/2009 vợ chồng mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng đoàn tụ ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh hay đi tụ tập bạn bè nhưng chị M không thích nên vợ chồng có xô sát. Hiện nay vợ chồng vẫn ăn chung, sống chung nhà, mọi sinh hoạt vẫn bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị M kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 06/9/2007; Nguyễn Đức Hưng, sinh ngày 26/02/2011; Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 14/02/2013. Nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba con chung. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đến 15 triệu đồng/tháng, anh cũng xác định hiện nay anh có nhà cửa ổn định.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, ruộng, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật;

việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Đức Hưng, sinh ngày 26/12/2011 và Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 14/02/2013; giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 06/9/2007. Chị M, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị M, anh C được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003669 ngày 26/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 của chị Nguyễn Thị M HĐXX xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của chị M trước Tòa thì thấy vợ chồng chị M, anh C từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C chơi bời, tụ tập bạn bè nên vợ chồng thường hay xô sát, đánh cãi chửi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Mặc dù hiện nay anh chị vẫn ở chung

nhà nhưng cả chị M và anh C đều không có biện pháp cải thiện tình trạng hôn nhân để có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh C cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn C là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Chị M và anh C cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 06/9/2007; Nguyễn Đức Hưng, sinh ngày 26/02/2011; Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 14/02/2013. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với hai vợ chồng. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đức Hưng; Nguyễn Phương Uyên và giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng Nhung. Tại biên bản ghi lời khai anh C đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được nuôi cả ba con chung của vợ chồng và anh C không đề nghị chị M phải đóng góp nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy, quyền và nghĩa vụ nuôi con là của cả mẹ và bố mà chị M và anh C hiện nay đều đang làm tự do và có thu nhập ổn định nên giao con chung cho anh chị đều đảm bảo đời sống của các con. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị M và nguyện vọng của các con chung khi được Tòa án hỏi ý kiến. Cháu Nhung muốn ở với bố nên giao cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì cháu Nhung là con gái lớn có thể tự chăm sóc bản thân, cháu Hưng và cháu Uyên còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị M là phù hợp và không bên nào phải đóng góp nuôi con chung cho bên nào là có căn cứ.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng canh tác và các quan hệ khác*: chị M và anh C cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đức Hưng, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Phương Uyên, sinh ngày 14/02/2013. Giao cho anh Nguyễn Văn C được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 06/9/2007. Chị M, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cho nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003669 ngày 26/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Miện Bùi Thế Hanh

Hoàng Thị Hương Lan

